

Bản án số: 190/2022/DS-ST
Ngày 29 – 9 – 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Hồng Đồng

Bà Nguyễn Kim Kết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa: Ông Dong Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2022/TLST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C. Địa chỉ: Số x, phường H, quận H1, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Quốc V – Phó Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng C huyện Đ (có mặt).

- Bị đơn: Bà Lê Thị V, sinh năm 1957; cư trú tại: Khóm y, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hồ Minh T, sinh năm 1951; cư trú tại: Khóm y, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Hồ Ngọc Y, sinh năm 1989; cư trú tại: Khóm y, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Chị Hồ Thị Ngọc D, sinh năm 1992; cư trú tại: Khóm y, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

4. Chị Hồ Thị Ngọc T, sinh năm 1994; cư trú tại: Khóm y, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng C (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), lời trình bày tại phiên tòa của ông Mai Quốc V, thể hiện:*

Trên cơ sở văn bản ủy quyền của ông Hồ Minh T, chị Hồ Thị Ngọc T, chị Hồ Thị Ngọc D, bà Lê Thị V ký hợp đồng tín dụng với Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Đ1 vay khoản vay hỗ trợ học sinh, sinh viên và giải quyết việc làm của Hồ Ngọc Y, gồm:

- Ngày 30/9/2009 ký khế ước số 6000006000000141, hạn trả nợ 29/10/2017, lãi suất cho vay 0,5%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn; tính đến ngày 07/7/2022 thì bà V còn thiếu tổng số tiền là 49.185.566 đồng (vốn 35.600.000 đồng, lãi: 13.585.566 đồng).

- Ngày 15/6/2013 ký khế ước số 6600000702601330, hạn trả nợ 15/5/2017, lãi suất cho vay 0,65%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn; tính đến ngày 07/7/2022 thì bà V còn thiếu tổng số tiền là 32.754.590 đồng (vốn 22.000.000 đồng, lãi: 10.754.590 đồng).

- Ngày 12/10/2014 ký khế ước số 60000060000002386, hạn trả nợ 12/8/2017, lãi suất cho vay 0,6%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn; tính đến ngày 07/7/2022 thì bà V còn thiếu tổng số tiền là 33.572.771 đồng (vốn 21.000.000 đồng, lãi: 12.572.771 đồng).

- Ngày 11/6/2018 ký khế ước số 6600000713000984, hạn trả nợ 12/8/2017, lãi suất cho vay 0,55%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất trong hạn; tính đến ngày 07/7/2022 thì bà V còn thiếu tổng số tiền là 23.467.445 đồng (vốn 20.000.000 đồng, lãi: 3.467.445 đồng).

Quá trình thực hiện, bà V đã trả tiền lãi của các khoản vay tổng số là 21.838.857 đồng, sau đó không tiếp tục thực hiện trả vốn, lãi theo thỏa thuận dẫn đến các khoản vay đến thời điểm này đã quá hạn trả nợ gốc, nợ lãi theo phân kỳ nhưng bà V chưa thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của mình để trả dứt điểm nợ gốc và lãi theo khế ước đã ký. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện bà V và những người liên quan gồm: Ông T, chị T, chị D và chị Y trả tổng số tiền 137.878.642 đồng (vốn: 98.600.000 đồng, tiền lãi đến ngày 28/9/2022 là 39.278.642 đồng) và tiền lãi phát sinh đến thời điểm tất toán các khoản vay.

** Đối với bà Lê Thị V, Hồ Minh T, chị Hồ Thị Ngọc T, chị Hồ Thị Ngọc D và chị Hồ Ngọc Y: Sau khi thụ lý vụ án, mặc dù đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng các đương sự này không có Y kiến gì và không tham gia hòa giải, xét xử.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến

trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 98 của Luật Tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam – Phòng Giao dịch huyện Đầm Dơi. Buộc bà Lê Thị V, ông Hồ Minh T, chị Hồ Thị Ngọc T, chị Hồ Thị Ngọc D và chị Hồ Ngọc Y phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 137.878.642 đồng (vốn: 98.600.000 đồng và tiền lãi đến ngày 28/9/2022 là 39.278.642 đồng) và khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 29/9/2022 cho đến khi thanh toán dứt điểm khoản vay

- Án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng C – Phòng Giao dịch huyện Đ1 khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị V, ông Hồ Minh T, chị Hồ Thị Ngọc T, chị Hồ Thị Ngọc D và chị Hồ Ngọc Y trả lại số tiền hỗ trợ khoản vay cho học sinh, sinh viên nên quan hệ pháp luật trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà V, ông T, chị T, chị D và chị Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Khi nộp đơn khởi kiện, Ngân hàng C – Phòng Giao dịch huyện Đ1 cung cấp các khế ước giữa bà V (được ông Hồ Minh T, chị Hồ Thị Ngọc T, chị Hồ Thị Ngọc D ủy quyền) để vay các khoản tiền hỗ trợ học sinh, sinh viên và giải quyết việc làm. Quá trình thực hiện, bà V trả lãi của các khoản vay được số tiền là 21.838.857 đồng, sau đó không thực hiện, dẫn đến các khoản vay đã quá hạn. Theo Ngân hàng xác định, tính đến ngày 28/9/2022 bà V còn thiếu tổng số tiền 137.878.642 đồng (vốn: 98.600.000 đồng và lãi: 39.278.642 đồng); quá trình giải quyết vụ án, bà V, ông T, chị T, chị Ngọc, chị D và chị Y không phản đối về nội dung Ngân hàng khởi kiện nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của Ngân hàng thấy rằng: Theo các khế ước vay vốn, kèm theo đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay có nội dung thỏa thuận phù hợp với các điều 471, 474 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Tổ chức tín dụng; quá trình vay, bà V đã trả lãi của các khoản vay là 21.838.857 đồng sau đó không trả vốn, lãi nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà V và những người liên quan trả vốn, lãi còn thiếu đến ngày 28/9/2022 với tổng số tiền 137.878.642 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu trả tiền lãi phát sinh từ ngày 29/9/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng của Ngân hàng, thấy rằng:

Theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, thể hiện: “...*kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay*”. Do đó, yêu cầu này của Ngân hàng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo hồ sơ thể hiện, bà V, ông T là người cao tuổi nhưng không làm thủ tục xin miễn án phí nên bà V, ông T và những người liên quan còn lại phải chịu án phí đối với số tiền phải trả là: $137.878.642 \text{ đồng} \times 5\% = 6.893.932 \text{ đồng}$ theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 471, 474 và 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C – Phòng Giao dịch huyện Đ1. Buộc bà Lê Thị V, ông Hồ Minh T, chị Hồ Thị Ngọc T, chị Hồ Thị Ngọc D và chị Hồ Ngọc Y phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn và lãi đến ngày 28/9/2022 là 137.878.642 đồng (một trăm ba mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng). Trong đó, nợ gốc 98.600.000 đồng và lãi 39.878.642 đồng.

Ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn mà khách hàng vay phải thanh toán cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng tính đến ngày 29/9/2022, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo

mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các khế ước vay tiền cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà V, ông T, chị T, chị D và chị Y phải chịu 6.893.932 đồng (sáu triệu tám trăm chín mươi ba nghìn chín trăm ba mươi hai đồng) (chưa nộp).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn